

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/HNGĐ - ST

Ngày 12/5/2021.

(V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Duy Q, ông Đinh Công H.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị H–Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu L – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Tạ Văn L, sinh năm 1970.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện G. tỉnh N.

Anh L và chị H đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1]. Trong đơn khởi kiện ngày 07 tháng 12 năm 2020, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Tạ Văn L trình bày: Giữa tôi và cô Nguyễn Thị H được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/12/2012 tại Ủy ban nhân dân(UBND) xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ cô H ở thôn Đ, xã G, huyện G được khoảng 7 năm thì làm nhà riêng cũng ở cùng thôn để sinh sống. Hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng không hợp nhau trong việc nuôi dạy con cái dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên to tiếng cãi cọ nhau. Cô H còn nghi ngờ tôi ra ngoài ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến mỗi khi tôi đi làm về nhà cô H hay mắng chửi tôi làm ảnh hưởng đến không khí gia đình và con cái. Cả hai vợ chồng đã cố gắng hòa giải hàn gắn nhưng không được. Đến tháng 9/2020 khi mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn thì cô H đã đưa cháu lớn là Tạ Văn Q về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn để sinh sống. Cô H có về 2 – 3 lần để thăm con nhưng lần nào về cũng gây sự cãi nhau với tôi. Hiện nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài trầm trọng không thể hòa giải hàn gắn được. Nên

tôi vẫn giữ nguyên quan điểm làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Nguyễn Thị H.

Về con chung: Tôi và cô H có hai con chung. Cháu lớn tên là Tạ Văn Q, sinh ngày 23/12/2011; cháu bé tên là Tạ Văn Q, sinh ngày 30/10/2019. Hiện nay, cháu Tạ Văn Q đang ở với cô H còn cháu Tạ Văn Q đang ở với tôi. Nay ly hôn tôi muốn tiếp tục nuôi cháu Tạ Văn Q còn cô H sẽ tiếp tục nuôi cháu Tạ Văn Q, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung và công nợ chung: Tôi không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2]. Tại bản tự khai ngày 18/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi và anh Tạ Văn L, sinh năm 1970 được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 12/12/2012 tại UBND xã G, huyện G, tỉnh N. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ tôi ở thôn Đ, xã G, huyện G. Hai vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ tôi được 7 năm thì ra làm nhà riêng cũng ở cùng thôn để sinh sống. Hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh là bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái, trong đó có con riêng của tôi và con riêng của anh L, dẫn hai vợ chồng bức xúc, to tiếng không thể giải quyết được. Anh L chán đời ra ngoài ngoại tình với người phụ nữ khác (Tôi không có tài liệu chứng cứ chứng nào chứng minh việc anh L đi ngoại tình). Đến tháng 9/2020 khi mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn thì tôi đã đưa cháu lớn là Tạ Văn Q về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn để sinh sống. Tôi có về nhiều lần để thăm cháu Tạ Văn Q nhưng lần nào về cũng bị anh L gây gổ, chửi mắng, đuổi đánh tôi. Hiện nay, tôi xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng có thể hòa giải hàn gắn được. Tôi vẫn còn tình cảm với anh L và mong muốn đoàn tụ để nuôi dạy con cái. Nên anh L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý. Trong trường hợp anh L kiên quyết ly hôn thì tôi đề nghị Tòa án phải giải quyết phân chia cả quan hệ tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng tôi thì tôi mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh L có hai con chung. Cháu lớn tên là Tạ Văn Q, sinh ngày 23/12/2011; cháu bé tên là Tạ Văn Q, sinh ngày 30/10/2019. Hiện nay, cháu Tạ Văn Q đang ở với tôi còn cháu Tạ Văn Q đang ở với anh L. Nếu phải ly hôn tôi muốn tiếp tục nuôi cháu Tạ Văn Q còn anh L sẽ tiếp tục nuôi cháu Tạ Văn Q, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung và công nợ chung: trong quá trình giải quyết vụ án chị H không có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết mối quan hệ này.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm nêu trên.

Tại phiên tòa bị đơn là chị H có ý kiến:

- Xuất trình 01 bản kê khai tài sản xác nhận của chính quyền địa phương và bị đơn đề nghị Tòa án phải phân chia tài sản chung giữa chị và anh L thì chị mới đồng ý ly hôn, trong khi bị đơn thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nặng, khó có khả năng đoàn tụ.

- Không xuất trình được tài liệu nào chứng minh việc trong thời gian vợ chồng ly thân, khi chị H về thăm con chung thì bị anh L gây gổ, chửi mắng, đuổi đánh.

- Các vấn đề khác bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Tại phiên tòa bà Kiểm sát viên cũng đã có bài phát biểu khẳng định quá trình giải quyết vụ án: Về mặt tố tụng Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã xác định đúng, đầy đủ những người tham gia tố tụng, tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm thủ tục tố tụng dân sự. Về nội dung bà Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị: Xử cho anh Tạ Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị H; Giao cho anh L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tạ Văn Q, sinh ngày 30/10/2019; Giao cho chị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tạ Văn Q, sinh ngày 23/12/2011, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh L và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung; anh L phải nộp số tiền án phí sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là chị Nguyễn Thị H có địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N. Vì vậy việc Tòa án nhân dân huyện G áp dụng Điều 28; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa các đương sự đều có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng pháp luật.

[2]Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân của anh Tạ Văn L và chị Nguyễn Thị H là hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn hai người chung sống tại nhà bố mẹ đẻ cô H ở thôn Đ, xã G, huyện G được khoảng 7 năm thì làm nhà riêng ở cùng thôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo sự trình bày của cả hai bên cũng như qua xác nhận của chính quyền địa phương là do tính cách hai vợ chồng không thể hòa hợp, bất đồng trong việc nuôi dạy con cái và do chị H nghi ngờ anh L có quan hệ ngoại tình. Kể từ tháng 9/2020 đến nay chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn Đ, xã G, huyện G để sinh sống và hai người đã sống ly thân hoàn toàn. Tại phiên tòa chị H tuy không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thực, không còn khả năng đoàn tụ. Việc chị H tại phiên tòa gán việc đồng ý ly hôn anh L với điều kiện Tòa án phải phân chia tài sản chung, công nợ chung cũng chứng tỏ chị H không có thiện chí đoàn tụ thực sự. Phía anh L thì kiên quyết xác định không còn tình cảm thương yêu gì với chị H nữa. Do đó có căn cứ xác định rằng mâu thuẫn vợ chồng anh Tạ Văn L và chị Nguyễn Thị H đã trở nên trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh Tạ

Văn L, xử cho anh L được ly hôn chị Nguyễn Thị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Do sự trình bày của hai bên là thống nhất nên Tòa án xác định vợ chồng anh L, chị H có hai con chung. Cháu lớn tên là Tạ Văn Q, sinh ngày 23/12/2011; cháu bé tên là Tạ Văn Q, sinh ngày 30/10/2019. Hiện nay, cháu Q đang ở với chị H; cháu Q đang ở với anh L. Anh Tạ Văn L và chị Nguyễn Thị H đều có nguyện vọng khi ly hôn thì L sẽ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tạ Văn Q, sinh ngày 30/10/2019; còn chị H sẽ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tạ Văn Q, sinh ngày 23/12/2011, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét hiện nay cả anh L và chị H đều không vi phạm nghĩa vụ làm cha mẹ, có sức khỏe tốt, đều có khả năng tạo ra thu nhập ổn định nên đều có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Cháu Tạ Văn Q cũng có nguyện vọng ở với chị H, cháu Tạ Văn Q tuy còn nhỏ nhưng thực tế từ khi ly thân đến nay liên tục ở với anh L và được anh L chăm sóc tốt. Đồng thời chị H cũng có quan điểm nếu phải ly hôn thì đồng ý để anh L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh Tạ Văn L và nguyện vọng của chị Nguyễn Thị H, giao cho L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tạ Văn Q, còn chị H sẽ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tạ Văn Q, là hoàn toàn phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không buộc các đương sự phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án do các bên đương sự đều không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa không xét. Việc chị H tại phiên tòa mới yêu cầu Tòa án phải phân chia tài sản chung, công nợ chung là vượt quá phạm vi, yêu cầu ban đầu của chị H nên không được Tòa án xem xét. Chị H và anh L hoàn toàn có quyền làm đơn khởi kiện theo thủ tục chung để yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung, công nợ chung của chị H và anh L thành một vụ kiện riêng.

[5] Về án phí: Anh Tạ Văn L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,:

1. Xử cho anh Tạ Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cho anh Tạ Văn L được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tạ Văn Q, sinh ngày 30/10/2019; Giao cho

chị Nguyễn Thị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Tạ Văn Q, sinh ngày 23/12/2011, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh L và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Anh Tạ Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân huyện G theo biên lai số AA/2019/0000180 ngày 17/12/2020.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh N;
- VKS huyện G;
- Chi cục THADS G;
- UBND xã G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN HỮU Q